

Số: 2274 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 26 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình Sửa học đường tỉnh Bến Tre
giai đoạn 2017- 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1854/Tr-SGD&ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Sửa học đường tỉnh Bến Tre giai đoạn 2017-2020.

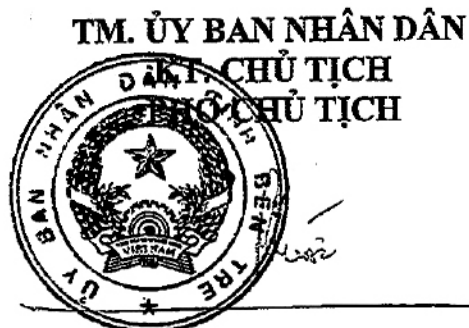
Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tổ chức triển khai và hướng dẫn cơ sở thực hiện Chương trình này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh (phối hợp);
- CT, các PCT-UBND tỉnh;
- Ng/c: KGVX, TH;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, v.



Nguyễn Hữu Phước

CHƯƠNG TRÌNH

Sửa học đường tỉnh Bến Tre giai đoạn 2017 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2274 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH SỬA HỌC ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

1. Thực trạng về ngành học mầm non, tiểu học tỉnh Bến Tre

a) Phát triển số lượng

- Trên địa bàn tỉnh có 176 trường mầm non, mẫu giáo (sau đây gọi chung là trường mầm non) và 191 trường tiểu học.

- Tổng số trẻ ra lớp:

S T T	Huyện	Tổng số học sinh ra lớp năm học 2016 - 2017					TIỂU HỌC
		MẦM NON					
		Tổng số	Chia ra		Trong đó		
			Nhà trẻ	Mẫu giáo	Công lập	Ngoài công lập	
1	Châu Thành	5023	469	4554	4106	917	10263
2	Bình Đại	4999	296	4703	4898	101	10187
3	Ba Tri	7164	573	6591	6799	365	14389
4	Giồng Trôm	5682	452	5230	5399	283	11284
5	Mỏ Cày Nam	4970	183	4787	4656	314	10705
6	Mỏ Cày Bắc	3706	142	3564	3523	183	7185
7	Thanh Phú	4585	127	4458	4505	80	10317
8	Chợ Lách	4219	309	3910	3488	731	7650
9	Tp Bến Tre	6603	976	5627	4333	2270	9354
TỔNG CỘNG		46951	3527	43424	41707	5244	91334

b) Chất lượng chăm sóc - nuôi dưỡng - học tập

Đối với trẻ ở lứa tuổi mầm non và tiểu học của Bến Tre có tốc độ tăng trưởng chậm hơn, nhất là đối với trẻ thuộc địa bàn vùng sâu, vùng xa; thể lực nhiều trẻ chưa đạt yêu cầu so với độ tuổi, tình trạng trẻ em thấp còi, yếu thể lực là do chế độ ăn không đầy đủ các chất dinh dưỡng hoặc chất lượng quá kém trong các bữa ăn từ gia đình, nhiều gia đình kinh tế khó khăn nên việc chăm sóc con cái thiếu quan tâm.

Nhìn chung, nhiều trẻ ở lứa tuổi mầm non và tiểu học phát triển thể lực chưa tương xứng với độ tuổi, đều do chế độ ăn uống của trẻ thiếu sự quan tâm của gia đình, chất lượng các bữa ăn chưa đáp ứng đủ chất dinh dưỡng để trẻ phát triển.

- Tình hình suy dinh dưỡng chung

Tại Bến Tre trong những năm qua, công tác phòng, chống suy dinh dưỡng (SDD) trẻ em trên địa bàn tỉnh được quan tâm, tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi theo cân nặng đã giảm từ 31,6% (năm 2009) xuống 16,3 (năm 2010) xuống 11,3 (năm 2015); tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi theo chiều cao (thấp còi) giảm từ 26,9% năm (2010) xuống 21,9% (năm 2015). So với mục tiêu của chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Bến Tre đã đạt được mục tiêu chiến lược đề ra vào năm 2015 (tỷ lệ SDD thể thấp còi là 21,9% và SDD thể nhẹ cân là 11,3%). Tuy nhiên, tỷ lệ SDD thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi vẫn còn khá cao.

- Tình hình sử dụng sữa trong các trường mầm non, tiểu học:

Việc tổ chức cho học sinh uống sữa chỉ được thực hiện tại các trường có tổ chức bán trú (mẫu giáo khoảng 55%, tiểu học 8,87% học sinh). Tùy theo điều kiện từng trường và mức tiền ăn trong ngày của học sinh tại trường mà tổ chức uống hàng ngày hoặc xen kẽ trong thực đơn tuần. Dòng sản phẩm được các trường lựa chọn rất đa dạng: sữa nước, sữa bột, sữa đặc có đường hoặc sữa chua,... Do đó, hiện trạng là có nhiều dòng sản phẩm sữa (15 dòng) được sử dụng trong trường học nên chưa có sự thống nhất chung về định lượng, chưa kiểm soát được chất lượng.

c) Đánh giá chung

- Phát triển giáo dục mầm non và tiểu học trong thời gian gần đây đã được xác định rõ trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước, nhưng việc bố trí nguồn vốn riêng để thực hiện còn nhiều hạn chế, dẫn đến thiếu cơ sở vật chất ở nhiều địa phương; còn gần 50% trẻ mầm non chưa tổ chức được bán trú tại trường. Đó là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho chất lượng chăm sóc, giáo dục, bảo vệ sức khỏe trẻ còn nhiều hạn chế.

- Công tác truyền thông về dinh dưỡng chưa phổ biến đến tận hộ gia đình, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc chăm lo bữa ăn của trẻ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nhu cầu dinh dưỡng chưa được chặt chẽ, chưa thường xuyên; các kiến thức về dinh dưỡng, kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe cho trẻ còn nhiều hạn chế.

- Công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ ở các đơn vị tổ chức bán trú gặp nhiều khó khăn do tiền ăn còn thấp so với giá cả thực phẩm luôn biến động như hiện nay (18.000 đồng - 20.000 đồng/ngày), chưa thực sự đảm bảo chất lượng dinh dưỡng.

- Ngân sách Nhà nước chưa đầu tư đúng mức cho nguồn dinh dưỡng của trẻ; cần có sự quan tâm của các ngành, các cấp và trách nhiệm của các tổ chức xã hội về cải thiện vấn đề dinh dưỡng.

2. Sự cần thiết xây dựng Chương trình

a) Theo các công trình nghiên cứu khoa học về tâm, sinh lý và xã hội học đều khẳng định giai đoạn tuổi học đường là giai đoạn có tính chất quyết định để tạo nên thể lực, nhân cách, năng lực trí tuệ trong tương lai và đây cũng là giai đoạn não bộ phát triển hoàn thiện nhanh nhất làm nền tảng cho trí thông minh sau này của trẻ.

b) Nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ ở mỗi giai đoạn khác nhau, vì vậy thức ăn dành cho trẻ cũng phải phù hợp theo từng giai đoạn để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và phát triển một cách toàn diện cho trẻ. Trẻ dưới 06 tuổi ngoài chế độ ăn đa dạng các chất như: chất đạm, chất béo, bột đường, vitamin... thì việc bổ sung thêm sữa mỗi ngày là rất cần thiết.

c) Giai đoạn trẻ từ 03 -10 tuổi thì bữa ăn của trẻ ngoài việc cung cấp năng lượng cho trẻ hoạt động thì sữa cũng là nguồn dinh dưỡng cung cấp các vitamin khoáng chất và nguồn đạm có giá trị sinh học cao chứa đủ các acid amin thiết yếu có vai trò quan trọng trong việc phát triển chiều cao của trẻ.

d) Xét thấy sữa là nguồn cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng giúp trẻ phát triển toàn diện, đặt nền tảng cho việc học tập của trẻ ở các cấp học tiếp theo. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý là yếu tố quan trọng nhằm hướng tới phát triển toàn diện về tâm vóc, thể chất, trí tuệ của người Việt Nam và nâng cao chất lượng cuộc sống; trẻ em sẽ không phát triển trí tuệ toàn diện nếu không được cung cấp thực phẩm dinh dưỡng hợp lý. Vì vậy, đầu tư cho trẻ hôm nay để có một thế hệ tương lai phát triển mạnh về thể chất và trí tuệ đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại việc thực hiện Chương trình Sữa học đường chính là thực hiện Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em, phù hợp với ưu tiên toàn cầu của UNICEF: Chăm sóc trẻ thơ vì sự sống còn, tăng trưởng và phát triển... Hoạt động “Sữa học đường” là bước cụ thể hoá việc thực hiện chiến lược và mục tiêu Quốc gia về dinh dưỡng trẻ em.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá XI);

- Quyết định số 641/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tâm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030;

- Quyết định số 226/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

- Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của

Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

- Quyết định số 189/QĐ-BYT ngày 17 tháng 01 năm 2013 của Bộ Y tế ban hành “Mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý đến năm 2020” Thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020.

- Thống kê số liệu của Viện Dinh dưỡng Quốc gia về định mức uống tối thiểu (3 lần x 180ml/1 trẻ/1 tuần) đủ tăng chỉ số phát triển của trẻ.

Nhằm nâng cao thể chất, cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng cho trẻ em, hướng tới phát triển toàn diện về tầm vóc, thể chất, trí tuệ của người Việt Nam thì việc thực hiện Chương trình Sữa học đường trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2017 - 2020 là cần thiết.

Phần II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng về cân nặng, chiều cao và trí tuệ của trẻ mầm non, tiểu học. Đến năm 2020, tập trung giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng và chiều cao, cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ, khống chế trẻ thừa cân, béo phì tại các trường mầm non, tiểu học và nâng cao thể trạng của trẻ em Việt Nam nói chung, tỉnh Bến Tre nói riêng góp phần phát triển nguồn nhân lực trong tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Đến năm 2020, 90% bố, mẹ, người chăm sóc trẻ ở thành thị và 60% bố, mẹ, người chăm sóc trẻ ở nông thôn của những trẻ tham gia uống sữa được truyền thông, giáo dục và tư vấn về dinh dưỡng.

- Đến năm 2020, 100% số học sinh mẫu giáo và 70% số học sinh tiểu học ở vùng thành thị, nông thôn được uống sữa theo Chương trình Sữa học đường.

- Đáp ứng nhu cầu năng lượng của trẻ mẫu giáo và tiểu học đạt 90% - 95% vào năm 2020.

- Tăng tỷ lệ protein động vật/protein tổng số của khẩu phần trẻ em mẫu giáo và tiểu học đạt trên 40% vào năm 2020.

- Đáp ứng nhu cầu sắt, canxi, vitamin D của trẻ em mẫu giáo và tiểu học thêm 30% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em mẫu giáo và tiểu học trung bình 0,3%/năm; suy dinh dưỡng thể thấp còi trung bình 0,7%/năm.

- Đến năm 2020, chiều cao trung bình của trẻ tuổi nhập học (6 tuổi) tăng từ 1,5 cm - 2 cm ở cả trẻ trai và gái so với năm 2010.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

Trẻ ở độ tuổi mẫu giáo (từ 36 tháng đến 06 tuổi), tiểu học (từ lớp Một đến lớp Năm) đang học tại các trường mầm non và tiểu học công lập, ngoài công lập trong toàn tỉnh (kể cả lớp mẫu giáo tư thục độc lập đã được cấp phép hoạt động).

2. Thời gian thụ hưởng và định mức sử dụng

a) Trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học được uống sữa 09 tháng trong 01 năm học (tổng cộng 40 tuần trừ 03 tháng hè).

Thời gian thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020 như sau:

- Năm 2017, thực hiện thí điểm cho trẻ uống sữa trong 04 tháng (tổng cộng là 17 tuần) tại 4 trường mẫu giáo trên địa bàn huyện Thanh Phú.

- Từ 2018 đến 2020: Thực hiện tại các trường, nhóm lớp mẫu giáo và tiểu học trên địa bàn toàn tỉnh theo lộ trình trong từng giai đoạn trên 09 huyện, thành phố.

b) Định mức: Mỗi trẻ được uống 03 lần/tuần, mỗi lần uống 180ml/hộp.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1: (Năm 2017)

Chọn 04 xã của huyện Thanh Phú làm đơn vị thực hiện thí điểm:

S T T	Tên trường	Loại hình	Số học sinh		
			Tổng cộng	Trẻ thuộc diện hộ nghèo	Trẻ thuộc diện hộ cận nghèo
1	Mẫu giáo Đại Điền	Bán trú	242	19	02
2	Mẫu giáo Mỹ Hưng	Bán trú	235	37	11
3	Mẫu giáo An Quy	Không bán trú	233	43	05
4	Mẫu giáo Thanh Phong	Không bán trú	328	54	31
Tổng cộng		4 trường	1.038	153	49

- Đối tượng: Tất cả học sinh trong độ tuổi mẫu giáo (3 đến 6 tuổi) đang học tại các trường mầm non của 4 xã Đại Điền, Mỹ Hưng, An Quy và Thanh Phong.

- Sơ kết, rút kinh nghiệm giai đoạn 1 vào cuối tháng 12/2017.

2. Giai đoạn 2: (Năm 2018)

- Triển khai thực hiện tại 4 huyện, gồm các huyện: Thanh Phú, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Chợ Lách.

- Đối tượng: Tất cả học sinh trong độ tuổi mẫu giáo (3 đến 6 tuổi) đang học tại các trường mầm non; 50% học sinh tiểu học (từ lớp Một đến lớp Năm) trên địa bàn huyện Thanh Phú, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Chợ Lách.

3. Giai đoạn 3: (Năm 2019)

- Tiếp tục triển khai thực hiện 8/9 huyện, thành phố trừ thành phố Bến Tre.

- Đối tượng: Tất cả học sinh trong độ tuổi mẫu giáo (3 đến 6 tuổi) đang học tại các trường mầm non và 60% học sinh từ lớp Một đến lớp Năm của trường tiểu học trên địa bàn các huyện.

4. Giai đoạn 4: (Năm 2020)

- Triển khai thực hiện 9/9 huyện, thành phố.

- Đối tượng: Tất cả học sinh trong độ tuổi mẫu giáo (3 đến 6 tuổi) đang học tại các trường mầm non và 70% học sinh tiểu học (từ lớp Một đến lớp Năm) trên địa bàn tỉnh.

IV. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Kinh phí chi cho mua sữa

a) Dự kiến giá sữa hàng năm: (sữa nước có đường 180ml/hộp)

- Năm 2017: Giá dự kiến là 6.358 đồng/1hộp (giá ban đầu).

- Năm 2018: Giá dự kiến là 6.676 đồng/1hộp (trong đó dự kiến tăng 5% giá sữa năm 2017 do trượt giá).

- Năm 2019: Giá dự kiến là 7.010 đồng/1hộp (trong đó dự kiến tăng 5% giá sữa năm 2018 do trượt giá).

- Năm 2020: Giá dự kiến là 7.360 đồng/1hộp (trong đó dự kiến tăng 5% giá sữa năm 2019 do trượt giá).

b) Dự toán kinh phí thực hiện

- Trẻ mầm non và tiểu học thuộc hộ bình thường kinh phí đơn vị cung cấp sữa hỗ trợ theo tỷ lệ trúng thầu (từ 20% trở lên), phụ huynh từ 70-80%.

- Trẻ mầm non và tiểu học thuộc hộ nghèo và cận nghèo đơn vị cung cấp sữa hỗ trợ theo tỷ lệ đã trúng thầu (từ 20% trở lên), ngân sách Nhà nước hỗ trợ 10%, phần còn lại từ nguồn xã hội hóa, viện trợ.

Dự kiến số trẻ thụ hưởng Chương trình Sữa học đường:

ST T	Năm	Số huyện	Số lượng học sinh				Tổng cộng
			Mầm non		Tiểu học		
			Số lượng	Tỷ lệ (tính)	Số lượng	Tỷ lệ Học sinh	
1	2017	04 xã	1.038	-	-	-	1.038
2	2018	4/9 huyện	16.719	40%	17.928	20%	34.647
3	2019	8/9 huyện	37.797	80%	49.188	54%	86.985
4	2020	9/9 huyện	43.424	100%	63.933	70%	107.357
Tổng cộng			98.978		131.049		230.027

- Tổng cộng số trẻ thụ hưởng theo Chương trình là 230.027 em. Trong đó số trẻ em thuộc hộ nghèo và cận nghèo chiếm 16.4%, khoảng 37.724 em.

a) Dự kiến kinh phí chi

(Mỗi trẻ 3 hộp/tuần x 40 tuần) x số tiền/hộp sữa x số trẻ thụ hưởng)

ĐVT: ngàn đồng

Năm	Số học sinh, mầm non và tiểu học	Số tuần	Số hộp sữa/ tuần	Giá sữa	Thành tiền
2017	1.038	17	3	6.358	336.579
2018	34.647	40	3	6.676	27.756.404
2019	86.985	40	3	7.010	73.171.782
2020	107.357	40	3	7.360	94.817.702
Tổng cộng	230.027	137			196.082.469

(Mỗi năm trượt giá, biến động số học sinh từ 1 - 5%). Do vậy kinh phí hàng năm có thể thay đổi nhưng không quá 5%.

Phương thức áp dụng (tất cả các giai đoạn):

- Đối với trẻ em thuộc hộ nghèo và cận nghèo được hỗ trợ 100% kinh phí mua sữa. Trong đó, đơn vị cung cấp sữa hỗ trợ theo tỷ lệ đã trúng thầu, cùng với nguồn xã hội hóa, viện trợ, Nhà nước hỗ trợ phần còn lại;

- Đối với trẻ thuộc hộ bình thường kinh phí mua sữa do đơn vị cung cấp sữa hỗ trợ theo tỷ lệ trúng thầu (từ 20% trở lên), phần còn lại do phụ huynh đóng góp.

Cụ thể như sau: Tổng kinh phí dự kiến trong 4 năm là 196.082.469.000 đồng. Trong đó:

- Ngân sách nhà nước (10% cho các hộ nghèo): 3.255.932.000 đồng.
- Đơn vị cung cấp sữa hỗ trợ (từ 20% trở lên): 39.216.494.000 đồng.
- Phụ huynh đóng góp (từ 70-80%): 130.818.521.000 đồng.

- Vận động tài trợ, viện trợ (cho các hộ nghèo): 22.791.522.000 đồng

* *Phụ lục: Phân kỳ kinh phí hoạt động theo năm và cả giai đoạn (đính kèm)*

2. Kinh phí điều hành triển khai thực hiện (đơn vị cung cấp sữa hỗ trợ và kết hợp triển khai thực hiện)

a) Giáo dục

- Tập huấn nhân viên y tế trường học (mầm non và tiểu học) kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng, bảo vệ sức khỏe cho trẻ trong trường học: Dự kiến (8 lớp/năm x 5.000.000 đồng/lớp) x 4 năm = 160.000.000 đồng

- Tập huấn ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên y tế trường học (mầm non và tiểu học), cộng tác viên được tham gia các lớp tập huấn triển khai chương trình, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho cán bộ y tế trường học: Dự kiến (8 lớp/năm x 5.000.000 đồng/lớp) x 4 năm = 160.000.000 đồng

- Kinh phí truyền thông, tuyên truyền tại các cơ sở giáo dục: 2.000.000đ/trường x 370 trường = 740.000.000 đồng

- Tổ chức hội nghị triển khai và tổng kết, đánh giá công tác thực hiện: Dự kiến (4 năm x 1 lần x 15.000.000 đồng/lần = 60.000.000 đồng)

Tổng cộng: 1.120.000.000 đ (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng)

b) Y tế

- Tổ chức các lớp truyền thông cho phụ huynh về dinh dưỡng cho trẻ em mầm non và tiểu học: Dự kiến (4lớp/năm x 4 năm x 3.000.000 đồng/lớp = 48.000.000 đồng)

Tổng cộng: 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng)

V. HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Phương thức lựa chọn đơn vị cung cấp sữa

Đấu thầu.

2. Tiêu chí lựa chọn đơn vị cung cấp sữa

a) Sản xuất loại sữa tươi tiệt trùng có đường 180ml/hộp, thời gian bảo quản 06 tháng.

b) Đơn vị cung cấp sữa cho trẻ uống đạt thương hiệu Việt Nam đã được Bộ Y tế cấp phép đảm bảo hàm lượng đầy đủ các chất dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng và sản phẩm dinh dưỡng phù hợp với trẻ độ tuổi mầm non, tiểu học.

c) Là đơn vị trực tiếp sản xuất sữa đạt tiêu chuẩn ISO 9002.

d) Có đủ điều kiện bảo quản sữa tươi tiệt trùng từ 06 tháng trở lên.

đ) Có kinh nghiệm trong việc cung cấp sữa ở các đơn vị trường học.

e) Cam kết bình ổn giá trong từng giai đoạn thực hiện Chương trình.

g) Mức hỗ trợ khởi điểm từ 20% trở lên cho Chương trình.

3. Hình thức hợp đồng

- a) Năm 2017: Giá dự kiến là 6.358 đồng/1hộp (giá ban đầu).
- b) Năm 2018: Giá dự kiến là 6.676 đồng/1hộp (trong đó dự kiến tăng 5% giá sữa năm 2017 do trượt giá).
- c) Năm 2019: Giá dự kiến là 7.010 đồng/1hộp (trong đó dự kiến tăng 5% giá sữa năm 2018 do trượt giá).
- d) Năm 2020: Giá dự kiến là 7.360 đồng/1hộp (trong đó dự kiến tăng 5% giá sữa năm 2019 do trượt giá).

4. Cung ứng sữa

Đơn vị trúng thầu chịu trách nhiệm cung ứng sữa kịp thời theo kế hoạch, không bị gián đoạn hoặc dồn dập; đồng thời bố trí nhân viên vận chuyển sữa đến tận kho của các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh an toàn. Đảm bảo thực hiện tốt công tác lưu mẫu, cũng như hướng dẫn bảo quản sữa.

*** Chú ý**

Tùy theo tình hình thực tế cho từng giai đoạn và phương án thực hiện mà kinh phí có thể thay đổi cho phù hợp (không quá 5% một năm).

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước

a) Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Sữa học đường giai đoạn 2017 – 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh Trưởng ban, Sở Giáo dục và Đào tạo Phó ban thường trực, Sở Y tế Phó ban Chỉ đạo, các thành viên bao gồm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở tài chính, Sở Công thương, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Liên hiệp Thanh niên tỉnh,...

b) Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương về tầm quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát huy tính chủ động, thực hiện đầy đủ chủ trương, chính sách về giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh đúng hướng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với thực tế.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu dinh dưỡng, nguồn kinh phí sử dụng phải hiệu quả và đúng mục đích, tránh thất thoát; tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời.

2. Giải pháp về chính sách

a) Thực hiện chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng về cân nặng và suy dinh dưỡng về chiều cao cho trẻ mầm non và sự phát triển thể chất, năng lực, trí tuệ cho học sinh tiểu học.

b) Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội, thực hiện các giải pháp cải thiện tình trạng dinh dưỡng, huy động, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể, nhân dân, các lực lượng xã hội,...

3. Giải pháp về nguồn lực

a) Bồi dưỡng năng lực đội ngũ

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý phụ trách về dinh dưỡng trẻ em và vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ an toàn cho trẻ trong trường mầm non, tiểu học.

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế làm công tác dinh dưỡng. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành trong thực hiện nhiệm vụ cho trẻ uống sữa tại trường, đánh giá hiệu quả tác động của Chương trình:

- Tổ chức các lớp tập huấn, thực hành ghi chép các biểu mẫu, thu thập số liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ Chương trình Sữa học đường tại các trường mầm non, tiểu học.

b) Huy động nguồn lực tài chính

- Kinh phí thực hiện Chương trình Sữa học đường bao gồm: Đối với trẻ thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo Công ty sữa hỗ trợ theo mức đã trúng thầu, phần còn lại từ nguồn xã hội hóa, viện trợ có sự hỗ trợ 1 phần từ ngân sách Nhà nước; đối với trẻ hộ gia đình bình thường tùy theo phương án lựa chọn bao gồm: 70 - 80% đóng góp của phụ huynh, Công ty sữa hỗ trợ từ 20% trở lên;

- Quản lý và điều phối có hiệu quả nguồn lực tài chính, tăng cường kiểm tra giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước cũng như các nguồn tài trợ khác;

- Tiếp tục đầu tư kinh phí, bổ sung cơ sở vật chất, mở rộng quy mô và mạng lưới giáo dục mầm non phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của từng địa phương, ưu tiên vùng sâu, vùng xa nhằm tăng tỷ lệ trẻ độ tuổi mầm non đến lớp.

4. Giải pháp về thông tin truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động, nâng cao kiến thức về tầm quan trọng trong công tác dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ.

b) Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về chủ trương, ý nghĩa, mục đích của Chương trình Sữa học đường dưới nhiều hình thức, nội dung phong phú và đa dạng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo, Đài Phát thanh Truyền hình, pano, áp phích, khẩu hiệu, băng rôn...

c) Tổ chức thực hiện giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe trong hệ thống trường mầm non, trường tiểu học giáo dục trẻ có thói quen tốt trong sinh hoạt, biết tự chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

d) Tổ chức hoạt động tư vấn về dinh dưỡng, tổ chức tuần lễ dinh dưỡng, tăng cường công tác tuyên truyền kiến thức về giáo dục dinh dưỡng trong các trường mầm non, trường tiểu học, các bậc cha mẹ và cộng đồng, góp phần cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng cho học sinh.

đ) Tổ chức triển lãm đồ dùng dạy học từ vỏ hộp sữa, tổ chức ngày hội sữa học đường,...

5. Xã hội hóa công tác dinh dưỡng

a) Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế thường xuyên phối hợp, triển khai công tác Y tế học đường trong các trường mầm non, tiểu học.

b) Huy động thêm nguồn kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối kết hợp với các ngành chức năng xây dựng, hỗ trợ các chính sách thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu dinh dưỡng và tham gia giám sát các hoạt động của Chương trình.

6. Kiểm tra, giám sát Chương trình, tổ chức sơ kết, tổng kết

a) Tổ chức thu thập số liệu trước khi tổ chức triển khai Chương trình tại các địa phương, các đơn vị trường học.

b) Giám sát thực phẩm tiêu thụ hàng ngày, tổ chức bữa ăn cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và nhu cầu dinh dưỡng của trẻ.

c) Cân, đo và lưu chỉ số sức khỏe theo quy định.

d) Kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình giao nhận sữa, cách bảo quản, phân phối và tổ chức thực hiện việc cho trẻ uống sữa tại trường, nhất là các đơn vị trường học có nhiều cơ sở lẻ.

Phần III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và truyền thông, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Sữa học đường theo lộ trình phù hợp với mục tiêu của Chương trình.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình Sữa học đường khi có thay đổi.

c) Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học việc thực hiện hồ sơ sổ sách, phiếu theo dõi việc giao, nhận, lưu trữ và bảo quản sữa, phân phối sữa, cân, đo, theo dõi, đánh giá kết quả phát triển của trẻ.

d) Phối hợp với Sở Y tế và các ngành liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục (quản lý quy trình giao nhận sữa, cách bảo quản, phân phối và tổ chức thực hiện việc cho trẻ uống sữa tại trường, nhất là các đơn vị trường học có nhiều cơ sở).

e) Quản lý và sử dụng kinh phí trong ngân sách cho Chương trình Sữa học đường theo đúng quy định.

f) Tổng hợp việc thực hiện Chương trình Sữa học đường, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm cho từng giai đoạn thực hiện Chương trình.

2. Sở Y tế

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sữa học đường; tham gia tổ chức tuyên truyền, tư vấn, giáo dục về dinh dưỡng trong các trường học; tham gia công tác bồi dưỡng đội ngũ phục vụ các nhiệm vụ của Chương trình Sữa học đường về dinh dưỡng trẻ em, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ an toàn cho trẻ trong trường mầm non, tiểu học.

b) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục.

c) Chịu trách nhiệm giám sát chất lượng sữa đối với đơn vị cung cấp; công tác quản lý của các cơ sở giáo dục.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp thực hiện Chương trình Sữa học đường theo kế hoạch kinh phí của Chương trình.

b) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình Sữa học đường tại các trường mầm non, mẫu giáo và trường tiểu học.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các ngành hàng năm thẩm định dự toán và cân đối nguồn ngân sách địa phương, cấp nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ, theo dõi việc phòng chống suy dinh dưỡng và nâng cao chất lượng dinh dưỡng của trẻ thông qua Chương trình Sữa học đường.

b) Vận động các nguồn tài trợ sữa thực hiện Chương trình Sữa học đường cho đối tượng trẻ thuộc hộ nghèo và cận nghèo.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyên truyền về Chương trình Sữa học đường trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, định hướng các cơ quan báo, đài về nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh tổ chức các phóng sự về chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, Chương trình Sữa học đường trong các trường mầm non, mẫu giáo, trường tiểu học.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế tham gia tổ chức tuyên truyền, vận động nguồn xã hội hóa thực hiện Chương trình Sữa học đường; giám sát, kiểm tra việc tổ chức cho trẻ uống sữa tại các trường, việc quản lý và sử dụng kinh phí của chương trình sữa học đường.

8. Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh - Truyền hình

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế tuyên truyền về chủ trương, ý nghĩa, mục đích của Chương trình Sữa học đường trên các phương tiện thông tin đại chúng, thực hiện các phóng sự về chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, chương trình sữa học đường trong các trường mầm non, trường tiểu học.

9. Ban Chỉ đạo Chương trình

Ban Chỉ đạo Chương trình Sữa học đường giai đoạn 2017 - 2020 kịp thời triển khai kế hoạch hàng năm, tăng cường kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh từ cơ sở. Tổ chức giao ban định kỳ, sơ kết, tổng kết và bổ sung kịp thời các trường hợp tăng, giảm trẻ.

Sau khi nội dung Chương trình Sữa học đường được ban hành, giao các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng kế hoạch, định mức, cơ chế cụ thể để triển khai và thực hiện hiệu quả

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Phối hợp, tổ chức triển khai Chương trình Sữa học đường tại địa phương, chủ động tích cực huy động thêm nguồn lực để thực hiện công tác phòng chống suy dinh dưỡng có hiệu quả, vận động xã hội hóa cho đối tượng gia đình khó khăn. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Chương trình Sữa học đường, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hữu Phước